

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**HUYỆN THÁI THỤY**  
**TỈNH THÁI BÌNH**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số 82/2023/QĐST-HNGĐ

Thái Thụy, ngày 09 tháng 6 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN**  
**SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 01 tháng 6 năm 2023 về việc các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình thụ lý số 212/2022/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2022.

**XÉT THẤY:**

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Chị Bùi Thị L, sinh năm 1978.

Nơi cư trú: thôn Q, xã L, huyện R, tỉnh B.

**Bị đơn:** Anh Nguyễn Xuân H, sinh năm 1973.

Nơi cư trú: thôn A, xã L, huyện R, tỉnh B.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân giữa chị Bùi Thị L và anh Nguyễn Xuân H gồm: Thửa đất 659, tờ bản đồ số 01 tại thôn A, xã L, huyện R tỉnh B có diện tích 119,7m<sup>2</sup> (là đất ao) và thửa đất số 637, tờ bản đồ số 01 tại thôn A, xã L, huyện R, tỉnh B có diện tích 306,7m<sup>2</sup> (trong đó có 240m<sup>2</sup> đất ở và 66,7m<sup>2</sup> đất vườn) và các tài sản xây dựng trên thửa đất 637 gồm 01 ngôi nhà

mái bằng xây dựng năm 2006, 01 ngôi nhà mái bằng xây dựng năm 1992 và sửa chữa năm 2006, bể nước, chuồng chăn nuôi, giếng nước, tường vây, cổng, təc nước, sân bê tông... Tổng giá trị tài sản là 882.713.000 đồng.

2.2. Sự thỏa thuận phân chia tài sản chung như sau:

2.2.1. Đối với thửa đất 659, tờ bản đồ số 01 tại thôn A, xã L, huyện R tỉnh B:

Chị L được quyền sử dụng toàn bộ thửa đất 659 có diện tích  $119,7\text{m}^2$  (là đất ao), có tứ cận như sau:

Phía Đông giáp ngõ đi có chiều dài 7,85m;

Phía Tây giáp thửa 657 có chiều dài 7,46m;

Phía Bắc giáp thửa 658 và 640 có chiều dài 7,34m + 9,68m;

Phía Nam giáp đường giao thông có chiều dài 14,91m.

Chị L thanh toán cho anh H số tiền 5.000.000 đồng (Đã thanh toán xong ngày 01/6/2023).

2.2.2. Đối với thửa đất 637, tờ bản đồ số 01 tại thôn A, xã L, huyện R, tỉnh B:

- Chị L được quyền sử dụng  $152,7\text{m}^2$  (trong đó có  $120\text{m}^2$  đất ở và  $32,7\text{m}^2$  đất vườn) có tứ cận như sau:

Phía Đông giáp ngõ đi có chiều dài 16,30m;

Phía Tây giáp phần đất chia cho anh Hòe có chiều dài 17,01m;

Phía Bắc giáp thửa đất 638 có chiều dài 8,87m;

Phía Nam giáp ngõ đi có chiều dài 0,38m + 2,40m + 3,47m + 3,06m.

- Anh H được quyền sử dụng  $154\text{m}^2$  (trong đó có  $120\text{m}^2$  đất ở và  $34\text{m}^2$  đất vườn) có tứ cận như sau:

Phía Đông giáp phần đất chia cho chị L có chiều dài 17,01m;

Phía Tây giáp ngõ đi có chiều dài 17,19m + 0,73m;

Phía Bắc giáp thửa đất 638 có chiều dài 8,50m;

Phía Nam giáp ngõ đi có chiều dài 4,55m + 3,91m + 0,74m

(Có sơ đồ kèm theo)

- Đối với các tài sản trên đất:

+ Anh H được sở hữu toàn bộ phần tài sản trên phần diện tích đất mà anh được chia gồm: 01 ngôi nhà cấp 4 xây dựng năm 2006 có diện tích 41,5m<sup>2</sup>, hiên mái bê tông diện tích 5m<sup>2</sup> xây dựng năm 2006, chuồng chăn nuôi, bể nước mưa, giếng nước, 02 təc nước, phần diện tích nhà xây dựng năm 1992 nằm trên phần diện tích đất anh H được chia.

+ Chị L được sở hữu toàn bộ tài sản trên phần đất mà chị được chia gồm phần diện tích nhà cấp 4 xây dựng năm 1992 nằm trên phần diện tích đất chị được chia, công, tường bao.

+ Đối với ngôi nhà cấp 4 xây dựng từ năm 1992 có diện tích 58,3m<sup>2</sup>, anh H và chị L thống nhất phần diện tích nhà thuộc diện tích đất của ai thì người đó có nghĩa vụ tự tháo dỡ để phân chia ranh giới đất. (Anh H và chị L cam kết sẽ tự nguyện tháo dỡ).

2.3. Về án phí và chi phí tố tụng: Chị L và anh H thống nhất xác định tổng giá trị tài sản chung là 882.713.000 đồng, chia đôi mỗi người được chia phần tài sản có giá trị 441.356.500 đồng và nhận chịu án phí đối với phần tài sản có giá trị 441.356.500 đồng.

Anh H phải chịu 10.827.000 đồng án phí chia tài sản.

Chị L phải chịu 10.827.000 đồng án phí chia tài sản, chuyển số tiền tiền 8.000.000 đồng chị L đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004307 ngày 22 tháng 11 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình sang thi hành án, chị L còn phải chịu 2.827.000 đồng án phí.

Chị L nhận chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngày sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án

theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án

**Nơi nhận:**

- Các đương sự.
- VKDND huyện Thái Thụy.
- Chi cục THA huyện Thái Thụy.
- UBND xã Thụy Liên
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Thẩm phán**

**Ngô Thế Tương**